

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021*

Số : 13 /TASCO-KT

V/v giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN quý IV năm 2021 so cùng kỳ năm 2020.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính quý IV năm 2021, Công ty Cổ phần Tasco giải trình về biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước	Chênh lệch Năm nay so với năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.960.282	20.244.434	5.715.848	28%	74.749.249	45.837.701	28.911.548	63%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.432.848	(45.429.885)	50.862.733	112%	11.100.254	(48.657.944)	59.758.198	123%
Doanh thu tài chính	223.616.278	24.208.654	199.407.624	824%	317.027.913	168.615.460	148.412.453	88%
Chi phí tài chính	212.650.175	372.000	212.278.175	57064%	237.140.839	40.307.040	196.833.799	488%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.544.405	33.469.959	(21.925.555)	-66%	30.323.156	51.980.624	(21.657.468)	-42%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.642.372	(56.189.157)	60.831.529	108%	59.321.049	26.527.192	32.793.857	124%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.127.061	(56.397.222)	60.524.283	107%	58.100.476	33.239.568	24.860.908	75%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.084.995	(42.998.728)	50.083.723	116%	58.100.476	41.929.360	16.171.116	39%

Lợi nhuận sau thuế TNDN với báo cáo tài chính riêng quý IV/2021 đạt 7 tỷ, như vậy tăng 43 tỷ đồng (tương đương tăng 116,48%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do chính sách tiết giảm chi phí trong thời kỳ dịch bệnh Covid, đồng thời Công ty đã thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của Hội đồng quản trị, qua đó mang lại lợi nhuận trong kỳ.



2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với Quý này năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước	Chênh lệch Năm nay so với năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.033.155	215.852.423	31.180.732	14%	873.390.944	761.665.090	111.725.853	15%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.420.522	(35.890.060)	114.310.582	319%	280.474.540	85.177.190	195.297.351	229%
Doanh thu tài chính	218.664.236	503.792	218.160.444	43304%	244.917.482	60.297.694	184.619.789	306%
Chi phí tài chính	74.519.311	58.191.701	16.327.610	28%	307.371.076	237.596.645	69.774.430	29%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.448.149	54.505.217	(26.057.068)	-48%	102.348.254	121.014.253	(18.665.999)	-15%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	175.717.104	(164.632.986)	340.350.090	207%	54.542.402	(252.358.357)	306.900.759	122%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	175.333.484	(165.197.920)	340.531.404	206%	51.746.436	(247.023.497)	298.769.933	121%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	176.785.804	(153.692.431)	330.478.236	215%	47.791.307	(243.442.763)	291.234.070	120%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất quý IV/2021 đạt 176 tỷ, như vậy tăng 330 tỷ đồng (tương đương tăng 215%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân:

- Các mảng kinh doanh đều hồi phục và tăng trưởng doanh thu: thu phí đường bộ, Y tế, VETC đều có tăng trưởng so với năm trước
- Công ty thực hiện chính sách tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong thời kỳ dịch bệnh Covid
- Đồng thời Công ty đã thực hiện thoái vốn, tinh gọn các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của Hội đồng quản trị, qua đó mang lại lợi nhuận trong kỳ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;
- Lưu Kế toán;
- Lưu Tài Chính.



PHAN THỊ THU THẢO